

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2019

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa .

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019, về việc: “*Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ ấp B, xã H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 01 năm 2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H quen biết, đến năm 1986 bà D về chung sống với ông H, đến năm 2003 bà và ông H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa, được Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/12/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1987 sanh đứa con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ông H thường đi nhậu về đánh đập bà D, bà D chịu đựng đến ngày hôm nay, mỗi lần ông H đi nhậu về là cự cãi, la lối vợ con dẫn

đến mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Nay bà D nhận thấy không còn tình cảm với ông H, nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1987, cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1989 và Nguyễn Hoàng K, sinh năm 2003. Đối với cháu T và cháu H đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Nguyễn Hoàng K bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Văn H đến Tòa án làm việc hai lần ông H không không đến và ông H cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Nguyễn Thị Ngọc D vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H, vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, ông H đi nhậu về cự cãi với bà D dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc, nên bà yêu cầu được ly hôn. Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1987, cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1989 và Nguyễn Hoàng K, sinh năm 2003. Đối với cháu T và cháu H đã trưởng thành không giải quyết. Còn cháu Nguyễn Hoàng K bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung bà D không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết.

Ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập lần 2 đến Tòa án mở phiên tòa xét xử ông H không đến. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Văn H.

[2] *Về nội D:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn H kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn bà D cho rằng vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông H thường đi nhậu về cự cãi và đánh bà D, bà đã khuyên ngăn nhiều lần ông H không sửa đổi, hiện nay ông H đã ra ngoài sống, không còn chung sống một nhà với bà D. Hội đồng xét xử động viên bà nên đoàn tụ về chung sống với ông H nhưng bà D kiên quyết ly hôn. Tại

phiên tòa hôm nay ông H vắng mặt, Nguyễn Thị Kiều T là con lớn bà D ông H trình bày khi Tòa án gửi văn bản tố tụng mời cha đến Tòa do chị nhận và có nói cho ông H biết, ông H nói đồng ý ly hôn nhưng không ra Tòa, ngoài ra cha mẹ chung sống không hạnh phúc cứ gây áp lực cho nhau không ai nói với ai, trước đây ông H có gây xung đột với bà D, nên cuộc sống của cha và mẹ không thể hàn gắn được, hiện nay cha mẹ đã ở riêng. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau, Vì vậy cho bà D được ly hôn với ông H được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2.] Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1987, cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1989 và Nguyễn Hoàng K, sinh năm 2003. Đối với cháu T và cháu H đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Nguyễn Hoàng K bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H vắng mặt không có ý kiến gì về việc bà D yêu cầu nuôi con. Tại bản khai cháu K có viết cha mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ. Xét cháu Hoàng K hiện nay do bà D nuôi dưỡng, để không xáo trộn cuộc sống của cháu Hoàng K, nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng K cho bà D nuôi dưỡng, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng K, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Ông Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2/ Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng K, sinh năm 2003 cho bà Nguyễn Thị Ngọc D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1987 và cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1989 đã trưởng thành bà D không yêu cầu giải quyết.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002081 ngày 21/01/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, Bà D không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

Võ Thị Hồng Diệp

